

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2021/DS - ST

Ngày: 28 -12-2021.

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hương

- Ông Phạm Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-TCDS ngày 25 tháng 05 năm 2021, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐST-DS, ngày 03-12-2021, Quyết định hoãn Phiên tòa số: 17, ngày 16-12-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đồng Thị Hằng C, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: H, P, N, Ninh Thuận.

- Bị đơn: Dương Thị Ái L, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: N, P, N, Ninh Thuận.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố x, phường P. T.P P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đồng Quốc D, sinh năm: 1988 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà C trình bày: Bà L có vay tiền của bà các lần sau:

Lần 1: Ngày 20/5/2015 bà L vay số tiền 80.000.000 đồng, bà L trả lãi cho tôi được 01 tháng số tiền 4.800.000 đồng (của thời gian từ ngày 20/5/2015 đến 20/6/2015)

Lần 2: Ngày 20/6/2015 bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, bà C, bà L tính cộng số tiền 80.000.000 đồng vay ngày 20/5/2015 và số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 20/6/2015, tổng 2 lần là 100.000.000 đồng, bà L trả lãi cho bà C được 06 tháng số tiền 36.000.000 đồng (của thời gian từ ngày 20/6/2015 đến 20/12/2015).

Theo giấy ghi có đầu đề 2015 (phía dưới có ghi số tiền 80.000.000đ; 20.000.000 đ; 100.000.000 đ; 330.000.000 đ).

Lần 3: Ngày 26/6/2015 bà L có vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng, bà L trả lãi cho bà được 06 tháng số tiền 36.000.000 đồng (của thời gian từ ngày 26/6/2015 đến 26/12/2015).

Theo giấy ghi ngày 2015 (phía dưới có ghi số tiền 80.000.000đ; 20.000.000 đ; 100.000.000 đ; 330.000.000 đ).

Lần 4: Ngày 26/8/2015 bà L có vay của bà C số tiền 250.000.000 đồng, bà L có trả lãi cho bà C được 15 ngày tính từ ngày 26/8/2015 cho đến 08/9/2015 số tiền trả lãi được là 12.000.000 đồng.

Bà C thừa nhận 08/9/2015 bà L có trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng tiền nợ gốc vay vào ngày 26/8/2015 và bà C có đưa bà L ghi vào phía sau giấy vay tiền ngày 26/8/2015, giấy vay tiền này (bản gốc) hiện bà C đang giữ, nhưng do bà L đã trả tiền 250.000.000 đồng cho bà rồi nên bà tự xóa để dễ theo dõi các khoản bà L còn nợ, và dấu xóa này ở phía trên của giấy có nội dung Lấy C 245.000.000 đồng, ngày 12/11/2015 do bà L viết.

Lần 5: Ngày 12/11/2015 bà L có vay của bà C số tiền 250.000.000 đồng, khi nhận tiền bà L ghi vào sổ của bà số tiền 250.000.000 đồng, trong ngày bà L trả lại cho bà C 5.000.000 đồng, còn nợ 245.000.000 đồng; sau đó bà L viết giấy vay tiền cho bà C giữ, giấy có nội dung lấy C 245.000.000 đồng, ngày 12/11/2015, bà L có trả lãi cho bà C được 2 tháng số tiền trả lãi được là 29.400.000 đồng. thời gian tính từ ngày 12/11/2015 đến ngày 12/01/2016.

Theo giấy ghi có nội dung lấy C 245.000.000 đồng, ngày 12/11/2015 do bà L viết ghi tên, ký tên L.

Lần 6: Ngày 10/01/2016 bà L có đến lấy tiền của bà C 189.000.000 đồng để bán 70 tấn lúa, bà L cam kết hàng vụ (một vụ 4 tháng) trả cho cho bà C 7 tấn lúa, khi thỏa thuận xong bà L có viết giấy vào ngày 10/01/2016; nhưng thực tế khi thu hoạch lúa bà L bỏ tròn không đong lúa cho bà C, khi bà C gặp mẹ bà L thì mẹ bà L đong lúa cho bà 3 lần được 8 tấn.

Theo giấy ghi có đầu đề nội dung 10/01/2016 do bà L viết.

Lần 7: Ngày 03/2/2016 bà L có đến nhà hỏi bà C vay số tiền 330.000.000 đồng, lúc đó bà C không có tiền, nhưng bà C có làm ăn với bà Hiếu Loan tiệm phân thuốc ở khu phố 4 thị trấn Phước Dân nên bà C có đưa bà L đến nhà bà Hiếu Loan nhận tiền thì bà L yêu cầu cho bà vay 333.000.000 đồng và bà L nhận tiền từ bà Hiếu Loan đưa 330.000.000 đồng và bà C lấy tiền trong túi của bà C đưa thêm cho bà L 3.000.000 đồng; tổng cộng 333.000.000 đồng; còn số tiền vay mượn từ bà Hiếu Loan bà C có trách nhiệm trả cho bà Hiếu Loan số tiền 333.0000.000 đồng, bà L không trả gốc, lãi cho C.

Theo giấy đầu đề nội dung 2015, phía dưới có ghi 250.000.000 đ; 100.000.000đ; 100.000.000đ; 333.000.000đ do bà L viết số tiền vào sổ của bà C lưu giữ.

Còn giấy bà C nộp cho Tòa án có nội dung L có lấy tiền C với số tiền: 250.000.000 đ 12/; 100.000.000đ 20/; 100.000.000đ do bà L viết khi bà lấy tiền của bà C và sau đó bà C yêu cầu bà L tự viết vào sổ theo dõi nợ của bà C nên bà L có viết lại vào tờ giấy ghi đầu đề 2015 và phía dưới chia từng cột theo cột dọc có ghi 12, phía dưới 12 ghi

250.000.000đ; cột dọc có ghi 20, phía dưới 20 ghi 100.000.000đ; cột dọc có ghi 26, phía dưới 26 ghi 100.000.000đ; cột dọc có ghi 3/2, phía dưới 3/2 ghi 333.000.000đ;

Giấy bà L ghi có lấy tiền C với số tiền: 250.000.000đ 12/; 100.000.000đ 20/; 100.000.000đ và giấy do bà L viết có đầu đề nội dung 2015, phía dưới có ghi 250.000.000 đ; 100.000.000đ; 100.000.000đ; 333.000.000đ do bà L viết số tiền vào sổ của bà C lưu giữ là do bà C yêu cầu bà L viết lại từ giấy 250.000.000 đ 12/; 100.000.000đ 20/; 100.000.000đ sang qua giấy có đầu đề nội dung 2015, phía dưới có ghi 250.000.000đ; 100.000.000đ; 100.000.000đ; 333.000.000đ để dễ nhớ.

Nay bà C yêu cầu bà L trả các khoản nợ gốc cho bà 967.000.000 đồng của các giấy nợ và số tiền nợ: 80.000.000đ ngày 20/4/2015; 20.000.000đ ngày 20/6/2015; 100.000.000đ ngày 26/6/2015; 245.000.000đ, ngày 12/11/2015; 189.000.000đ ngày 10/01/2016; 333.000.000đ ngày 3/2/2016 và yêu cầu tính lãi theo lãi suất nhà nước và cách tính tròn tháng (ví dụ: 03/2/2016 đến 03/7/2016), còn ngày lẻ không yêu cầu tính lãi và mốc tính cuối cùng là tháng 6 năm 2022.

Đối với số tiền 189.000.000 đồng bà C không yêu cầu bà L tính lãi.

Ý kiến của bà T: Theo bà L trình bày bà có nghe và công nhận lời trình bày của bà C và bà T công nhận lời trình bày của bà C là đúng

Bà L trình bày: Bà có vay của bà C số tiền 245.000.000 đồng gồm các lần:

Lần 1: Ngày 26/6/2015 bà có vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/ tháng (cứ hàng tháng trả lãi 6.000.000 đồng) và bà có trả lãi cho bà C từ ngày 26/6/2015 cho đến 12/11/2015 (thời gian 4 tháng 15 ngày) số tiền 27.000.000 đồng.

Khi vay số tiền 100.000.000 đồng này tôi không có viết giấy vay, số tiền vay này bà C ghi vào sổ theo dõi của bà C và bà C đưa sổ cho bà L ký vào, còn tiền lãi 27.000.000 đồng bà L trả cho bà C, bà L thấy bà C ghi vào sổ, nhưng do tin tưởng nhau nên bà không kiểm tra và ký vào sổ của bà C về số tiền trả lãi này.

Lần 2: Ngày 26-8-2015 bà L có vay của bà C số tiền 250.000.000 đồng, bà L có viết giấy vay tiền đưa cho bà C giữ, bà L có ký tên ghi họ tên ở phía dưới giấy vay tiền, số tiền vay lãi suất 6%/ tháng, bà L trả lãi từ ngày 26-8-2015 cho đến 08-9-2015 (thời gian 15 ngày) cho bà C 12.000.000 đồng bà L thấy bà C ghi vào sổ, nhưng do tin tưởng nhau nên bà L không kiểm tra và ký vào sổ của bà C về số tiền trả lãi này.

Ngày 08-9-2015 bà L có trả số tiền gốc 250.000.000 đồng cho bà C và bà L có ghi ở phía sau tờ giấy vay tiền ngày 26-8-2015, giấy gốc do bà C giữ có nội dung “đã trả đủ 250 triệu” ngày 8-9-2015 và giấy vay tiền giấy gốc bà L để cho bà C giữ.

Do trước đây vào 26-6-2015 bà L vay của bà C 100.000.000 đồng chưa trả ngày 12-11-2015 bà L tiếp tục vay của bà C 145.000.000 đồng, tính tổng cộng 2 lần là 245.000.000 đồng nên bà L có ghi phía sau giấy vay nợ nội dung: lấy C 245.000.000 đồng thời gian ghi là 12-11-2015 và bà L có ký tên ghi họ tên của bà vào phía sau giấy vay tiền, bà L trả từ 12-11-2015 đến ngày 12-11-2017 (thời gian 24 tháng) mỗi tháng trả

lãi 14.700.000 đồng, 24 tháng số tiền trả lãi 352.800.000 đồng và ngày 12-11-2017 đến 13-2-2020 mỗi tháng trả lãi 3.000.000 đồng (thời gian 26 tháng) là 78.000.000 đồng các lần trả lãi này bà L đưa bà C ghi sổ theo dõi của bà chứ bà không làm giấy và do tin tưởng nhau nên bà L không kiểm tra sổ ghi trả lãi của bà C và bà L cũng không ký vào sổ của bà C.

Còn giấy ghi ngày 10-01-2016 đúng là chữ viết của bà L trong giấy có ghi số tiền 189.000.000 đồng, một vụ đồng 7 tấn, nhưng giấy này là do bà L vay tiền của em bà tên Quảng Anh Thủy ở Phan Rang - Tháp Chàm bà để trên bàn nhà bà, bà C đến lấy lãi và lấy giấy chứ không phải giấy bà vay tiền của bà C.

Đối với giấy bà C nộp cho Tòa án có nội dung L có lấy tiền C với số tiền 250.000.000 đồng, 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng là giấy bà L ghi lại các lần vay của Đảng Thị Phi C ở Như Bình, P để đối chiếu lại sổ sách của bà có trùng khớp hay không khi bà ghi để trên bàn nhà bà, bà Đồng Thị Hằng C tự ý lấy lúc bà C qua nhà bà lấy tiền lãi chứ không phải giấy bà L vay tiền của bà C.

Đối với giấy bà C nộp cho tòa án có nội dung: 8.2015 có ghi số tiền 250.000.000 đồng là bà ghi lại các lần vay tiền của gia đình bà để trên bàn bà C đến lấy lãi lấy luôn 3 tờ giấy và quyển sổ để trên bàn nay bà C kiện đòi nợ bà là không đúng thực tế vay.

Hiện nay bà L xác nhận có nợ của bà C 245.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2020 đến nay chưa trả, chứ ngoài ra không còn nợ gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chồng bà Dương Thị Ái L phải trả cho bà Đồng Thị Hằng C số tiền nợ gốc 967.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy triệu đồng) lãi tính theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tòa án tổng đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng người liên quan vắng mặt; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 228 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn yêu cầu bà L trả các khoản nợ gốc cho bà C số tiền 967.000.000 đồng của các giấy nợ ghi số tiền nợ: 80.000.000đ ngày 20/4/2015; 20.000.000đ ngày 20/6/2015; 100.000.000đ ngày 26/6/2015; 245.000.000đ ngày 12/11/2015; 189.000.000đ ngày 10/01/2016; 333.000.000đ ngày 3/2/2016 và yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cách tính tròn tháng (ví dụ: 03/2/2016 đến 03/7/2016), còn ngày lẻ không yêu cầu tính lãi và mốc tính cuối cùng là tháng 6 năm 2022.

Đối với số tiền 189.000.000 đồng bà C không yêu cầu tính lãi

Nếu bà L cho rằng bà trả lãi cao yêu cầu tính lại lãi theo Ngân hàng nhà nước, thì bà C yêu cầu Tòa án tính lãi của các lần vay theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[5] Xét trình bày của bị đơn (L): Không thừa nhận có nợ của bà C số tiền 967.000.000 đồng theo tài liệu, chứng cứ từ bà C cung cấp; bà L xác nhận có nợ của bà C số tiền 245.000.000 đồng;

Xét bị đơn L trình bày, nguyên đơn Đồng Thị Hằng C lấy 3 tờ giấy bà ghi nợ của các chủ nợ khác do bà để trên bàn nhà bà là không có căn cứ.

Cụ thể:

1. bà L cho rằng giấy nợ của bà là các khoản nợ do bà giao dịch làm ăn với bà Đảng Thị Phi C ở: Như Bình, P, N, Ninh Thuận.

Khi thu thập thông tin từ bà Đảng Thị Phi C, thì bà Đảng Thị Phi C cho biết bà không có giao dịch, làm ăn gì với bà Dương Thị Ái L, đủ cơ sở chứng minh việc bà L nại ra là không có căn cứ.

2. Lúc đầu Tòa án lấy lời khai bà L, bà L chỉ thừa nhận khoản nợ 245.000.000 đồng, còn các khoản nợ khác bà L không thừa nhận có nợ của bà C, Tòa án chứng minh 3 giấy nợ từ bà C cung cấp cho Tòa án thì bà L cho rằng bà C đến nhà bà lấy lãi, lấy 3 tờ giấy bà ghi nợ của người khác để trên bàn nhà bà, đến thời điểm Tòa án làm việc với bà L và bà C và Tòa án yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ để Tòa án giám định làm rõ nội dung tranh chấp thì bà L cho rằng bà C lấy 3 tờ giấy bà để trên bàn với quyển sổ ghi nợ; khi hỏi bà L trong sổ có ghi các nội dung gì, nợ của ai thì bà L không trình bày được, còn bà C trình bày trong sổ bà có ghi nội dung làm ăn với các người khác và trong sổ bà C cung cấp có các chữ viết về nội dung việc bà làm ăn với các người khác.

3. Giám định dấu vết xé của quyển sổ ghi nợ do bà C cung cấp trùng khớp với 3 tờ giấy bà C cung cấp cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh việc bà L nợ tiền của bà C.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu nguyên đơn cung cấp gồm các giấy có đầu đề nội dung 2015, phía dưới theo cột dọc có ghi 12- 250.000.000 đ; 20- 100.000.000đ; 26- 100.000.000đ; 3/2- 333.000.000đ bà L xác nhận số tiền viết trong giấy là do bà viết, giấy ghi ngày 10/01/2016 tôi Dương Thị Ái L có lấy lúa tẻ 189.000.000đ, một vụ đông 7 tấn, bà L cũng xác nhận chữ viết trong giấy là do bà viết.

- Xét giấy bà L ghi theo cột dọc có ghi nội dung: 12- 250.000.000 đồng đối chiếu với ngày ghi theo đầu đề ghi 12 phù hợp với giấy bà L ghi nợ của bà Đồng Thị Hằng C vào ngày 12/11/2015, đối với số tiền không trùng khớp nhau, nhưng bà C xác nhận bà L nhận của bà 250.000.000 đồng trong ngày bà L trả lại cho bà 5.000.000 đồng.

Vì vậy bà C chỉ khởi kiện đòi bà L chỉ trả 245.000.000 đồng là phù hợp.

- Xét giấy bà L ghi theo cột dọc có ghi nội dung: 20- 100.000.000 đồng đối chiếu với ngày ghi theo đầu đề ghi 20 phù hợp với giấy bà L ký xác nhận nợ của bà Đồng Thị Hằng C có đầu đề 2015 có ghi số tiền 80.000.000 đồng ngày 20/5 và số tiền 20.000.000 đồng ngày 20/6,

- Xét giấy bà L ghi theo cột dọc có ghi nội dung: 26- 100.000.000 đồng đối chiếu với ngày ghi theo đầu đề ghi 26 phù hợp với giấy bà L ký xác nhận nợ của bà Đồng Thị Hằng C có đầu đề 2015 có ghi số tiền 100.000.000 đồng ngày 26/6 là phù hợp.

- Xét giấy bà L ghi theo cột dọc có ghi nội dung: 3/2- 333.000.000 đồng đối chiếu với ngày ghi theo đầu đề ghi 3/2 phù hợp với giấy bà L ký xác nhận nợ của bà Đồng Thị Hằng C có đầu đề 2015 có ghi số tiền 330.000.000 đồng ngày 3/2/2016, đối với số tiền không trùng khớp nhau, bà C có chứng minh nhận tiền tại nhà bà Loan đại lý phân thuốc số tiền 330.000.000 đồng, do bà L yêu cầu đưa 333.000.000 đồng, nên bà C lấy tiền riêng của bà đưa thêm cho bà L 3.000.000 đồng, tổng cộng là 333.000.000 đồng; về số tiền này bà L xác nhận số tiền bà nợ của bà C 333.000.000 đồng nên chính tay bà L đã ghi trong giấy nợ là 333.000.000 đồng và đối chiếu lời khai của bà Loan đại lý phân thuốc, bà Loan cũng xác nhận bà C có đưa bà L đến nhà bà nhận tiền là phù hợp.

- Xét giấy bà L ghi có nội dung: 10/01/2016 tôi Dương Thị Ái L có lấy lúa tẻ 189.000.000đ, một vụ đông 7 tấn, bà L cũng xác nhận chữ viết trong giấy là do bà viết.

Bà L cho rằng số tiền này bà mượn của em tên Quảng Anh Thùy ở Phan Rang, nhưng khi Tòa hỏi địa chỉ của bà Thùy để làm rõ nội dung vụ việc nhưng bà L không cung cấp được địa chỉ, đủ cơ sở chứng minh việc bà L nại ra là không có căn cứ.

Hội đồng chấp nhận yêu cầu của bà C.

- Xét về cách tính lãi các bên đương sự không có tài liệu chứng minh các lần trả lãi, lời khai của các bên mâu thuẫn không trùng khớp, nhưng xét lời khai nguyên đơn có căn cứ, có logic hơn bị đơn nên Hội đồng chấp nhận lời khai của nguyên đơn về trả lãi và việc trả lãi của các bên do tính lãi cao so với bộ luật dân sự, nên Hội đồng tính lại lãi suất theo quy định Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. **Hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất.(từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 Tòa án áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, quyết định 2868/QĐ-NHNN, ngày 29-11-2010 của ngân hàng nhà nước công bố lãi suất cơ bản 9%/năm. Lãi suất cơ bản 0.75%/ tháng, lãi suất quá hạn không vượt quá 150% lãi suất cơ bản; kể từ ngày 01-01-2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 468 bộ luật dân sự 2015 để giải quyết, lãi suất 8.5% /năm; 0.708% tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản.**

Hội đồng xét xử có cách tính lãi của các lần như sau:

- Lần 1: Ngày 20-5-2015 bà L vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 6%/ tháng (80.000.000đ hàng tháng trả lãi 4.800.000 đồng và bà L có trả lãi cho bà C được 1 tháng, tính từ ngày 20-5-2015 cho đến 20-6-2015 số tiền trả lãi được là 4.800.000 đồng; nợ gốc chưa trả.

Cách tính: vay 20-5-2015 đến 20-6-2015 là 1 tháng tính lãi trong hạn 0,75% /tháng, gốc 80.000.000 đ x 01 tháng x 0.75%/tháng = 600.000đ.

Tổng cộng lãi bà L trả được lần 1: 4.800.000 đồng

Tổng cộng lãi bà L phải trả lần 1: 600.000 đồng

- Lần 2: Ngày 20-6-2015 bà L vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 6%/ tháng.

Tính tiền vay lần 1 và lần 2 tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng, bà L trả lãi cho bà C mỗi tháng 6.000.000 đồng, bà L trả lãi được 6 tháng là 36.000.000 đồng, tính từ ngày 20-6-2015 cho đến 20-12-2015; còn nợ gốc chưa trả.

Cách tính: tính từ ngày 20-6-2015 đến 20-12-2015 là 6 tháng tính lãi trong hạn là 0.75% /tháng.

Cách tính lãi suất trong hạn 6 tháng của 100.000.000đ x 06 tháng x 0.75%/tháng = 4.500.000đ

-Tính từ ngày 21-12-2015 đến trước 01-01-2017 là 12 tháng 10 ngày tính lãi quá hạn.

Cách tính lãi quá hạn của 12 tháng: 100.000.000 đ x 0.75%/ tháng. x 150% x 12 tháng = 13.500.000đ.

Cách tính lãi quá hạn của 10 ngày: 100.000.000 đ x 0.75%/ tháng. x 150% : 30 ngày x 10 ngày = 375.000đ.

-Tính từ ngày 01-01-2017 đến tháng 06/2022 là 5 năm 5 tháng tính lãi quá hạn theo Điều 468 BLDS 2015 là 8.5% /năm; 0.708% tháng, lãi suất quá hạn 150%.

Cách tính lãi quá hạn của 5 năm: 100.000.000đ x 8.5%/năm. x 150% x 5 năm = 63.750.000đ.

Cách tính lãi quá hạn của 5 tháng: 100.000.000đ x 0.708%/tháng x 150% x 5 tháng = 5.310.000đ.

Tổng cộng lãi bà L trả được lần 2: 36.000.000 đồng

Tổng cộng lãi bà L phải trả lần 2: 82.935.004 đồng

Lần 3: Ngày 26-6-2015 bà L có vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/ tháng (100.000.000đ hàng tháng trả lãi 6.000.000 đồng; bà L có trả lãi cho bà C được 6 tháng, tính từ ngày 26-6-2015 cho đến 26-12-2015 số tiền trả lãi được là 36.000.000 đồng; còn nợ gốc chưa trả.

-Tính từ ngày 26-6-2015 đến ngày 26-12-2015 là 6 tháng, tính lãi suất trong hạn.

Cách tính lãi suất trong hạn 6 tháng của 100.000.000 đồng x 0.75%/ tháng x 6 tháng = 4.500.000 đồng.

Cách tính lãi suất quá hạn từ ngày 27-12-2015 đến trước ngày 01-01-2017 là 01 năm 03 ngày, tính lãi theo BLDS 2005 là 9% /năm, 0.75%/ tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản.

Cách tính lãi 01 năm của 100.000.000đ x 9%/năm x 150% x 01 năm = 13.500.000đ.

Cách tính lãi 03 ngày 100.000.000 x 0.75%/tháng x 150% : 30 ngày x 03 ngày = 112.500đ.

Cách tính lãi suất quá hạn từ ngày 01-01-2017 đến tháng nguyên đơn tự nguyện yêu cầu trả là tháng 6/2022, thời hạn 05 năm 05 tháng, tính lãi theo Điều 468 BLDS 2015 là 8.5% /năm; 0.708% tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản.

Cách tính lãi suất quá hạn 5 năm của 100.000.000đ x 8.5%/năm x 150% x 5 năm = 63.750.000đ.

Cách tính lãi suất quá hạn 5 tháng của 100.000.000 x 0.75%/tháng x 150% x 05 tháng = 5.625.000đ.

Tổng cộng lãi bà L trả được lần 3: 36.000.000 đồng ?

Tổng cộng lãi bà L phải trả lần 3: 82.987.045 đồng

Lần 4: ngày 26-8-2015 bà L có vay của bà C số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng (cứ 100.000.000đ hàng tháng trả lãi 6.000.000 đồng và bà C thừa nhận ngày 08-9-2015 bà L trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi và 2 bên đã xóa nợ nên Tòa án không xem xét lại khoản vay này.

Lần 5: Ngày 12/11/2015 bà L vay của bà C số tiền 250.000.000 đồng, khi nhận tiền bà L ghi vào sổ của bà C số tiền 250.000.000 đồng, trong ngày bà L trả lại cho bà C 5.000.000 đồng, còn nợ 245.000.000 đồng; sau đó bà L viết giấy vay tiền cho bà C giữ, giấy có nội dung lấy C 245.000.000 đồng, ngày 12-11-2015, bà L có trả lãi cho bà C được 2 tháng số tiền trả lãi được là 29.400.000 đồng. thời gian tính từ ngày 12-11-2015 đến ngày 12-01-2016, gốc chưa trả

Theo giấy ghi có nội dung lấy C 245.000.000 đồng, ngày 12-11-2015 do bà L viết ghi tên, ký tên L.

Tính từ ngày 12-11-2015 đến 12-01-2016 là 2 tháng tính lãi suất trong hạn theo BLDS 2005.

Cách tính lãi suất trong hạn 2 tháng của 245.000.000 đồng $\times 0.75\% / \text{tháng} \times 2 \text{ tháng} = 3.675.000$ đồng.

Tính từ ngày 13-01-2016 đến trước ngày 01-01-2017 là 11 tháng 17 ngày tính lãi suất quá hạn theo Điều 476 BLDS 2005.

Cách tính lãi suất quá hạn 11 tháng của 245.000.000 đồng $\times 0.75\% / \text{tháng} \times 150\% \times 11 \text{ tháng} = 30.318.750$ đồng.

Cách tính lãi suất quá hạn 17 ngày của 245.000.000 đồng $\times 0.75\% / \text{tháng} \times 150\% : 30 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 1.561.875$ đồng.

Cách tính lãi suất quá hạn từ ngày 01-01-2017 đến tháng nguyên đơn tự nguyện yêu cầu trả là tháng 6/2022 là 5 năm 5 tháng tính lãi suất quá hạn theo Điều 468 BLDS 2015 là 8.5% /năm; 0.708% tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản.

Cách tính lãi suất quá hạn 5 năm của 245.000.000đ $\times 8.5\% / \text{năm} \times 150\% \times 5 \text{ năm} = 156.187.500đ$.

Cách tính lãi suất quá hạn 5 tháng của 245.000.000 đồng $\times 0.708\% / \text{tháng} \times 150\% \times 5 \text{ tháng} = 13.009.500$ đồng.

Tổng cộng lãi bà L trả được lần 5: 29.400.000 đồng ?

Tổng cộng lãi bà L phải trả lần 5: 204.752.625 đồng

- Lần 6: Ngày 10-01-2016 bà L vay của bà C 189.000.000 đồng để bán 70 tấn lúa, bà L cam kết hàng vụ (một vụ 4 tháng) trả cho C 7 tấn lúa, khi thỏa thuận bà L có viết giấy ngày 10-01-2016; nhưng thực tế khi thu hoạch lúa bà L không đóng lúa cho bà C, khi bà C gặp mẹ bà L thì mẹ bà L đóng lúa cho bà C 3 lần được 8 tấn lúa.

Theo giấy ghi ngày có đầu đề nội dung 10/01/2016 do bà L viết; nay bà C không yêu cầu tính lãi số tiền này nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Lần 7: Ngày 03-02-2016 bà L vay bà C vay số tiền 330.000.000 đồng, lúc đó bà C không có tiền, bà C có làm ăn với bà Hiếu Loan tiệm phân thuốc ở khu phố 4 thị trấn Phước Dân nên C có đưa bà L đến nhà bà Hiếu Loan nhận tiền thì bà L yêu cầu cho vay 333.000.000 đồng và bà L nhận tiền từ bà Hiếu Loan 330.000.000 đồng và bà L lấy thêm tiền riêng của bà đưa cho bà L thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng là 333.000.000 đồng; còn số tiền vay mượn từ bà Hiếu Loan bà C có trách nhiệm trả cho bà Hiếu Loan.

Số tiền 333.0000.000 đồng bà L không trả gốc, lãi cho bà C

Nay bà C yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước là có căn cứ.

Cách tính lãi suất quá hạn từ ngày **vay 03/2/2016 đến trước ngày 01/01/2017** là 10 tháng 28 ngày tính lãi quá hạn 9% /năm, 0.75%/ tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản Điều 476 BLDS 2005.

Tính lãi 10 tháng của 333.000.000đ x 0.75%/tháng x 150% x 10 tháng = 37.462.500đ

Tính lãi 28 ngày 333.000.000 đ x 0.708%/tháng x 150% : 30 ngày x 28 ngày = 2.003.994đ

Cách tính lãi suất quá hạn từ ngày 01/01/2017 **đến tháng nguyên đơn tự nguyện yêu cầu là tháng 6/2022 là 5 năm 5 tháng** tính lãi suất quá hạn theo Điều 468 BLDS 2015 là 8.5% /năm; 0.708% tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản.

Cách tính lãi suất quá hạn 5 năm của 333.000.000đ x 8.5%/năm x 150% x 5 năm = 212.287.500đ.

Cách tính lãi suất quá hạn 5 tháng của 333.000.000đồng x 0.708%/ tháng x 150% x 5 tháng = 17.682.300 đồng

Tổng cộng lãi bà L phải trả lần 7: 269.436.294 đồng

[8] Từ phân tích và các chứng cứ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị Ái L phải trả nợ gốc cho bà Đồng Thị Hằng C số tiền 967.000.000 đồng theo giấy vay mượn tiền cụ thể của các lần:

- Lần 1: Ngày 20-5-2015 bà L vay của bà C số tiền 80.000.000 đồng,
- Lần 2: Ngày 20-6-2015 bà L vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng,
- Lần 3: Ngày 26-6-2015 bà L vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng,
- Lần 5: Ngày 12/11/2015 bà L vay của bà C số tiền 245.000.000 đồng,
- Lần 6: Ngày 10-01-2016 bà L vay của bà C số tiền 189.000.000 đồng;
- Lần 7: Ngày 03-02-2016 bà L vay của bà C số tiền 333.000.000 đồng,

Về lãi suất: Buộc bà Dương Thị Ái L phải trả lãi cho bà Đồng Thị Hằng C 640.710.968 đồng của các lần vay đã tính như trên; nhưng được tính trừ vào tiền bà L đã trả lãi các lần 1 = 4.800.000đ; lần 2 = 36.000.000đ; lần 3 = 36.000.000đ; lần 4 = 29.400.000đ (tổng cộng lãi bà L đã trả cho bà C được 106.200.000đ).

Vì vậy: Buộc bà Dương Thị Ái L phải còn trả lãi cho bà Đồng Thị Hằng C 534.510.968 đồng;

[10] Về án phí: Bà Dương Thị Ái L có đơn xin giảm án phí do điều kiện khó khăn có xác nhận của UBND xã P. Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% án phí cho bà L.

- Buộc bà Dương Thị Ái L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là: 28.522.664 đồng đã giảm 50%, cách tính: (36.000.000đ + 3% số tiền vượt quá 800.000.000đ x 50%).

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 47, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 13,

Điều 26 Nghị quyết 326 UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Hằng C.

Buộc bà Dương Thị Ái L phải trả cho bà Đồng Thị Hằng C số tiền 967.000.000 đồng theo giấy vay mượn tiền cụ thể của các lần:

- Lần 1: Ngày 20-5-2015 bà L vay của bà C số tiền 80.000.000 đồng,
- Lần 2: Ngày 20-6-2015 bà L vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng,
- Lần 3: Ngày 26-6-2015 bà L có vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng,
- Lần 5: Ngày 12/11/2015 bà L vay của bà C số tiền 245.000.000 đồng,
- Lần 6: Ngày 10-01-2016 bà L vay của bà C 189.000.000 đồng;
- Lần 7: Ngày 03-02-2016 bà L vay của bà C vay số tiền 333.000.000 đồng,

Về lãi suất: Buộc bà Dương Thị Ái L phải trả lãi bà Đồng Thị Hằng C 640.710.968 đồng của các lần vay đã tính như trên; nhưng được tính trừ vào tiền bà L đã trả lãi các lần 1 là 4.800.000đ; lần 2 là 36.00.000đ; lần 3 là 36.000.000đ; lần 4 là 29.400.000đ (tổng cộng lãi bà L đã trả cho bà C được 106.200.000đ).

Vì vậy: Buộc bà Dương Thị Ái L còn phải trả lãi cho bà Đồng Thị Hằng C số tiền 534.510.968 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Dương Thị Ái L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là: 28.522.664đồng đã giảm 50%, cách tính: (36.000.000đ + 3% số tiền vượt quá 800.000.000đ x 50%).

Hoàn trả cho bà Đồng Thị Hằng C tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số ngày và biên lai thu tiền số ngày của chi cục thi hành án dân sự huyện N.

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt bị đơn, có mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hường; Nguyễn Ngọc Minh

Đoàn Sửu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để biết);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sứ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N
(để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sứ

